

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023,
Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 430/BC-SYT ngày 11/10/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc gói thầu Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ.

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ tại Tờ trình số 75/TTr-BV ngày 26/9/2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc Gói thầu: Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ, với số tiền **992.084.200 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi hai triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh

Phụ lục II
DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC GENERIC TRONG KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU
THẦU NĂM 2023

DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ BUÔN HỒ

(Kèm theo Quyết định số **2114** /QĐ-UBND ngày **19** / **10** /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Acetyl leucin	4	1g/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	500	24.000	12.000.000
2	Acetyl leucin	2	500mg	Uống	Viên	Viên	25.000	2.200	55.000.000
3	Alpha chymotrypsin	2	21 microkatal	Uống	Viên	Viên	5.000	676	3.380.000
4	Ambroxol	2	30mg	Uống	Viên	Viên	12.000	1.950	23.400.000
5	Amlodipin + indapamid	1	5mg+1.5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.500	4.987	7.480.500
6	Bambuterol	4	20mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	1.200	1.995	2.394.000
7	Celecoxib	3	200mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	2.400	36.000.000
8	Codein + terpin hydrat	4	15mg + 100mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	618	9.270.000
9	Eperison	4	50mg	Uống	Viên	Viên	22.000	273	6.006.000
10	Erythropoietin	4	4000 IU/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/ Lọ/ Bơm tiêm	1.000	285.000	285.000.000
11	Fentanyl	5	0,1mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	120	12.600	1.512.000
12	Flunarizin	3	5mg	Uống	Viên nang	Viên	1.200	1.250	1.500.000
13	Glucose	4	30%, 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	250	950	237.500
14	Glucose	4	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ	700	7.446	5.212.200
15	Insulin analog trộn, hỗn hợp	1	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	600	227.000	136.200.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
16	Lactobacillus acidophilus	4	10 ⁸ CFU	Uống	Viên nang	Viên	15.000	1.449	21.735.000
17	Magnesi aspartat + kali aspartat	4	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	7.500	1.029	7.717.500
18	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	(800,4mg; 611,76mg; 80mg)/ 10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói/ Túi	20.000	2.940	58.800.000
19	Natri clorid	4	0,9%, 1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ	6.000	15.225	91.350.000
20	Nystatin + neomycin + polymyxin B	1	100.000IU + 35.000IU+ 35.000IU	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	2.000	9.500	19.000.000
21	Perindopril dạng muối + amlodipin	1	7mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	1.500	6.589	9.883.500
22	Phenobarbital	4	100mg	Uống	Viên	Viên	15.000	210	3.150.000
23	Piracetam	1	800mg	Uống	Viên	Viên	12.000	1.225	14.700.000
24	Ringer lactat	4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ	500	8.400	4.200.000
25	Salbutamol + ipratropium	1	2,5mg+0,5mg	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Lọ/ Ống/ Tuýp	700	16.074	11.251.800
26	Trimetazidin	2	35mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	45.000	439	19.755.000
27	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hydroxocobalamin)	4	2,5mg/ 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	3.000	2.650	7.950.000
28	Esomeprazol	3	20mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000	2.710	13.550.000
29	Neostigmin metylsulfat	1	0,5mg/1ml, 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	30	12.800	384.000
30	Rocuronium bromid	1	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	10	47.500	475.000
31	Budesonid + formoterol	1	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Lọ/ Ống	200	24.906	4.981.200

